

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 5 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/02/2019, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2012, bà và ông Trần Thanh N thành hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/8/2017. Trong quá trình chung sống, bà và ông Trần Thanh N không hòa hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, ông Trần Thanh N đã nhiều lần đánh đập bà, bà và ông Trần Thanh N xảy ra mâu thuẫn kéo dài, hiện tại vẫn không thể hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình

được. Bà xác định, bà không còn tình cảm dành cho ông Trần Thanh N. Do đó, không thể tiếp tục chung sống. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông Trần Thanh N.

Về con chung, có 01 người tên là Trần Thanh H (giới tính nam), sinh ngày 11 tháng 9 năm 2012, hiện đang do ông Trần Thanh N nuôi dưỡng. Bà yêu cầu giao con chung cho ông Trần Thanh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 600.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tại phiên tòa, bà thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng 695.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Trần Thanh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải 02 lần, triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng ông Trần Thanh N không có ý kiến trình bày về các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Trần Thanh N.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2012, bà Nguyễn Thị Ng và ông Trần Thanh N thành hôn và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/8/2017, nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ng và ông Trần Thanh N là hợp pháp. Bà Ng và ông N đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài. Bà Ng xác định, bà không còn tình cảm dành cho ông N, không muốn tiếp tục cuộc sống chung, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với ông N và nay cương quyết ly hôn. Phía ông N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông N vẫn không tham gia và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Ng. Từ đó cho thấy, ông N cũng không có ý chí hòa giải hàn gắn với bà. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Ng và ông N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mà không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó không nên kéo dài quan hệ hôn nhân. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ng về việc yêu cầu ly hôn ông N là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trần Thanh H đang sinh sống và học tập ổn định cùng ông N. Bà Ng yêu cầu giao Trần Thanh H cho ông N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và bà Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, cấp hàng tháng. Do đó, nay xét giao Trần Thanh H cho ông N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, là 695.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng, xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con như trên của bà Ng là phù hợp với Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ng phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; 56; 81; 82, 83, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ng và ông Trần Thanh N.

2. Về con chung:

2.1. Giao Trần Thanh H (giới tính nam), sinh ngày 11 tháng 9 năm 2012 cho ông Trần Thanh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ng về việc cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 695.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 27/5/2019 cho đến khi Trần Thanh H đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

2.3. Bà Nguyễn Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Ng phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007492 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Ng phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã M, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đồi